

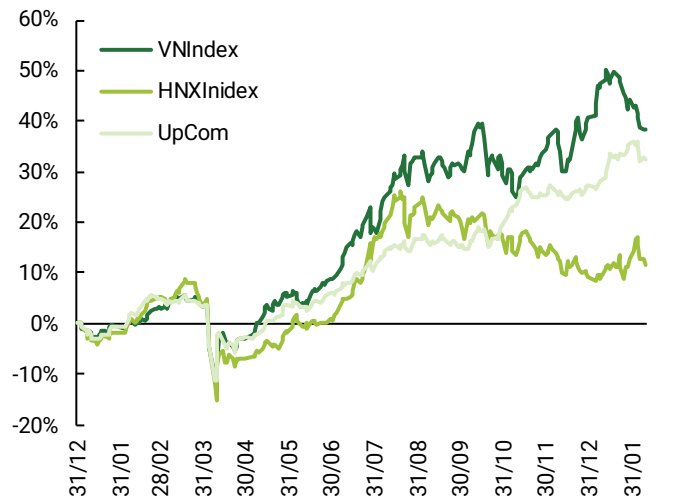
VN-Index **1754.03 (-0.05%)**
985 Tr. cổ phiếu 28567.5 Tỷ VND (41.91%)

HNX-Index **253.77 (-0.87%)**
65 Tr. cổ phiếu 1638.6 Tỷ VND (58.23%)

UPCOM-Index **126 (-0.33%)**
60 Tr. cổ phiếu 797.5 Tỷ VND (47.44%)

VN30F1M **1966.10 (0.53%)**
283,888 HD OI: 37,305 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1754.0, giảm -0.8 điểm (-0.05%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc xanh ghi nhận ở VN30 tăng trong khi HNXIndex giảm.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Nỗ lực phục hồi trong phiên tiếp tục thất bại khiến dòng tiền thận trọng hơn và khuếch đại tâm lý bán. Lực cung chi phối mạnh tại nhóm cổ phiếu kênh trên, sau giai đoạn ghi nhận hiệu suất tốt gần đây, điển hình như Dầu khí, Hóa chất và các Ngân hàng quốc doanh.

Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: VIC (+7.0%), VHM (+6.6%), KDH (+4.0%) | Dịch vụ tài chính: VCK (+6.9%), VIX (+1.7%), DSE (+1.5%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: BID (-6.9%), VCB (-2.9%) | Dầu khí: PLX (-7.0%), BSR (-6.3%), PVD (-4.5%) | Tiện ích: GAS (-6.9%), POW (-3.7%) | Thực phẩm và đồ uống: ANV (-4.3%), SAB (-2.2%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVT (-4.8%), VTP (-4.3%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VHM, VCK, VPL, MBB - Chiều giảm | BID, GAS, VCB, GVR, BSR

Khối ngoại Mua ròng gần 750 tỷ, tập trung nhiều ở MBB, VIC, MWG, trong khi bán ròng VCB, BID, FPT.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji, tiếp tục cho thấy trạng thái giằng co. Thanh khoản cải thiện nhưng dưới mức bình quân 20 phiên, hàm ý dòng tiền còn thận trọng. Ở chiều dẫn dắt, nhóm cổ phiếu trụ chưa tạo được sự đồng thuận khi những bước tăng mang tính đơn lẻ. Trong bối cảnh thiếu vắng chất xúc tác rõ ràng, chỉ số khả năng tiếp tục rung lắc đi ngang, củng cố thêm nền giá quanh ngưỡng 1760 điểm. Kháng cự gần trong chiều hồi phục là khu vực 1790 - 1800 điểm, trong khi mốc hỗ trợ thấp hơn là ngưỡng 1720 điểm. Nhìn chung, áp lực điều chỉnh vẫn đang chi phối xu hướng chính.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số tạo mẫu hình nến Hammer với biên độ dao động lớn. Dù vậy, thanh khoản duy trì mức thấp chưa xác nhận cho phản ứng bật tăng. Vận động khả năng tiếp tục giằng co quanh khu vực 252 - 256.
- **Chiến lược:** Tập trung vào danh mục hiện có để cơ cấu phù hợp. Đa phần mặt bằng cổ phiếu đã điều chỉnh về vùng hỗ trợ mạnh, nếu chưa vi phạm, NĐT có thể nắm giữ. Trường hợp xuất hiện tín hiệu gãy xu hướng, nên tận dụng nhịp hồi để hạ bớt vị thế. Hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng và cần mẫu hình đáng tin cậy xác nhận. Tỷ trọng chung duy trì ở mức trung bình.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi DHC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa	% Thay đổi			Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng
Theo chỉ số												
VN-Index	1,754.0 ▼	-0.05%	-3.3%	-6.1%	28,567.5 ▲	41.9%	-14.2%	-27.3%	985.4 ▲	27.4%	-0.2%	-24.3%
HNX-Index	253.8 ▼	-0.87%	-4.3%	2.7%	1,638.6 ▲	58.2%	-31.7%	-27.5%	65.4 ▲	38.2%	-27.8%	-43.0%
UPCOM-Index	126.0 ▼	-0.33%	-2.1%	3.4%	797.5 ▲	47.4%	-48.8%	-49.4%	60.2 ▲	161.5%	1.5%	-34.8%
VN30	1,951.6 ▬	0.2%	-2.3%	-5.5%	16,498.0 ▲	55.8%	-9.4%	-32.2%	416.4 ▲	36.8%	-5.2%	-31.8%
VNMID	2,149.3 ▼	-0.5%	-4.8%	-1.2%	9,491.4 ▲	31.4%	-24.0%	-17.4%	395.3 ▲	25.4%	-3.3%	-20.3%
VNSML	1,465.2 ▼	-0.42%	-2.9%	0.7%	1,241.5 ▲	33.6%	-40.8%	-25.1%	69.9 ▲	12.8%	-43.0%	-37.2%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	652.6 ▼	-1.6%	-4.60%	-1.5%	10,079.4 ▲	50.43%	25.2%	6.6%	379.2 ▲	22.4%	29.0%	19.4%
Bất động sản	711.7 ▲	5.2%	-0.6%	-22.0%	3,723.3 ▲	52.5%	-14.7%	-19.4%	104.3 ▲	14.8%	-21.8%	-29.6%
Dịch vụ tài chính	313.5 ▬	0.9%	-2.6%	0.1%	2,914.3 ▲	21.4%	-2.9%	-28.9%	119.5 ▲	26.3%	1.5%	-23.6%
Công nghiệp	254.1 ▬	0.3%	-3.1%	-6.2%	1,036.8 ▲	20.6%	-26.5%	-31.6%	33.4 ▲	37.8%	-17.3%	-16.9%
Tài nguyên cơ bản	526.4 ▼	-0.7%	0.5%	2.2%	1,015.1 ▼	-2.5%	-49.9%	-33.1%	41.7 ▼	-3.9%	-47.6%	-32.7%
Xây dựng - Vật Liệu	178.5 ▼	-1.4%	1.8%	4.4%	847.2 ▼	-2.0%	-32.4%	-32.0%	38.1 ▲	6.9%	-29.2%	-34.9%
Thực phẩm	534.4 ▼	-1.4%	-6.5%	-3.4%	1,662.1 ▲	27.5%	-25.9%	-33.2%	36.4 ▲	9.7%	-28.4%	-31.4%
Bán Lẻ	1,647.1 ▼	-0.4%	-4.5%	6.6%	1,280.6 ▲	55.8%	-18.9%	0.6%	18.1 ▲	75.0%	-13.0%	4.3%
Công nghệ	521.9 ▼	-1.2%	-4.9%	1.7%	750.8 ▲	11.8%	-42.2%	-43.1%	8.5 ▲	13.1%	-44.0%	-44.4%
Hóa chất	190.7 ▼	-4.52%	-4.4%	16.7%	1,141.4 ▲	44.8%	3.1%	-2.2%	31.8 ▲	45.6%	7.0%	3.7%
Tiện ích	891.1 ▼	-4.7%	0.0%	12.1%	1,085.0 ▲	212.4%	38.4%	23.0%	31.5 ▲	110.1%	1.1%	7.3%
Dầu khí	108.2 ▼	-6.37%	-0.1%	27.9%	1,918.9 ▲	178.4%	43.5%	26.1%	61.1 ▲	183.1%	49.7%	24.0%
Dược phẩm	451.2 ▼	-0.1%	-0.1%	3.9%	235.5 ▲	843.6%	600.0%	416.6%	4.8 ▲	362.6%	299.4%	146.7%
Bảo hiểm	116.4 ▼	-2.0%	2.2%	11.6%	112.4 ▲	79.1%	-27.9%	-18.9%	2.4 ▲	47.6%	-30.3%	-18.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,754.0 ▼	-0.05%	-1.7%	15.8x	2.2x
SET-Index	Thái Lan	1,410 ▬	0.68%	12.0%	15.0x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	8,132 ▲	1.24%	-6.0%	20.1x	2.1x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,772 ▼	-0.10%	3.8%	17.0x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,475 ▲	1.98%	7.0%	10.7x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,128 ▬	0.13%	4.0%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	27,183 ▬	0.58%	6.1%	13.7x	1.5x
Nikkei 225	Nhật Bản	57,651 ▲	2.28%	14.5%	23.8x	2.8x
S&P 500	Mỹ	6,965 ▬	0.47%	1.7%	27.8x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	50,136 ▬	0.04%	4.3%	25.9x	6.0x
FTSE 100	Anh	10,347 ▼	-0.38%	4.2%	15.9x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,070 ▬	0.18%	4.8%	18.4x	2.6x
DXY		96.8 ▼	-0.82%	-10.7%		
USDVND		25,889 ▼	-0.10%	1.6%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

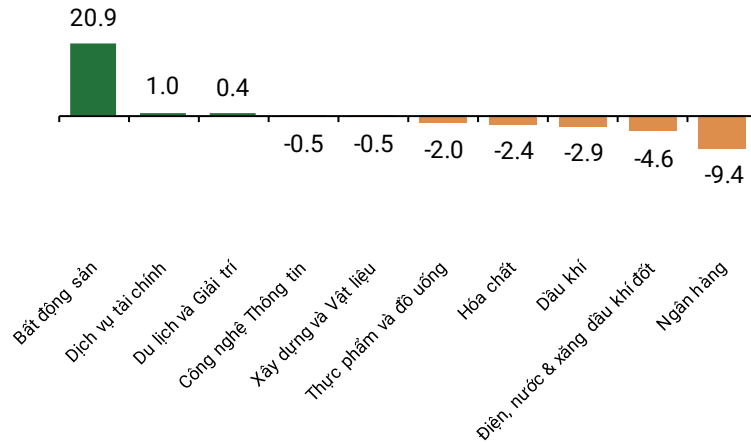
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.4%	8.6%	13.0%	-9.3%
Dầu WTI	▼	-0.3%	8.6%	11.8%	-11.2%
Khí gas	▼	-1.4%	-2.4%	-16.1%	-10.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	3.6%	0.0%	-1.4%
Thép HRC (*)	▼	-0.2%	-1.0%	-0.4%	-5.7%
PVC (*)	▼	-1.1%	2.7%	4.2%	-3.8%
Phân Urea (*)	▲	4.3%	14.8%	19.0%	25.3%
Cao su thiên nhiên	▲	1.8%	4.3%	6.4%	-2.8%
Bông Cotton	▲	1.5%	-3.8%	-3.6%	-6.9%
Đường	▲	1.3%	-4.0%	-4.8%	-26.7%
World Container Index	▼	-7.0%	-23.40%	-11.5%	-40.1%
Baltic Dirty tanker Index	▲	1.1%	35.8%	29.6%	90.2%
Vàng	▲	1.7%	12.0%	16.9%	73.6%
Bạc	▲	5.4%	2.7%	14.4%	155.9%

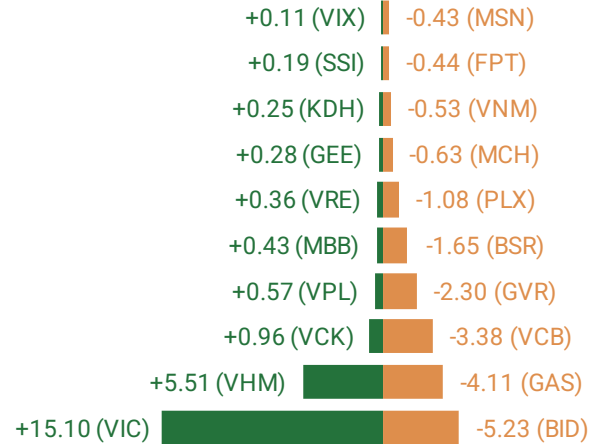
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

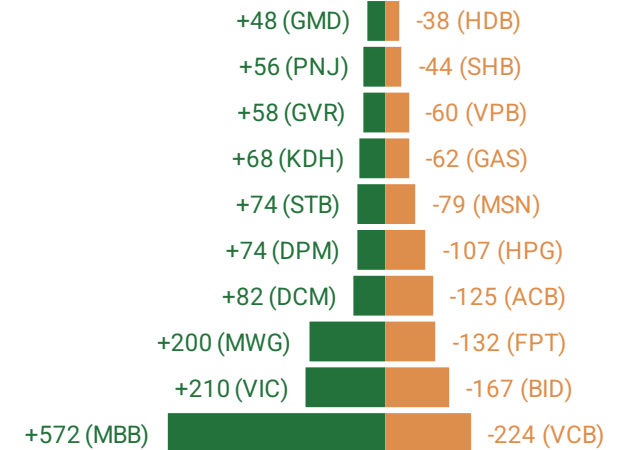
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



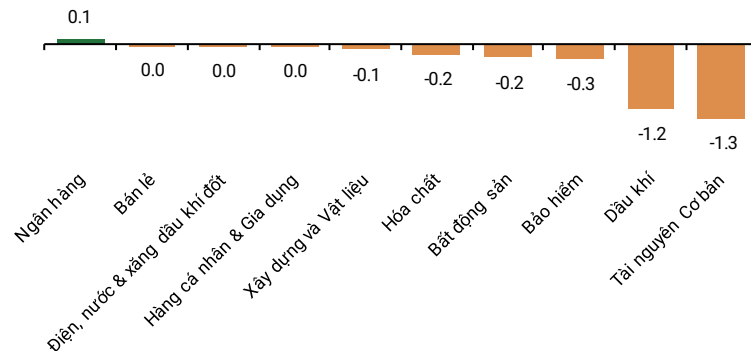
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



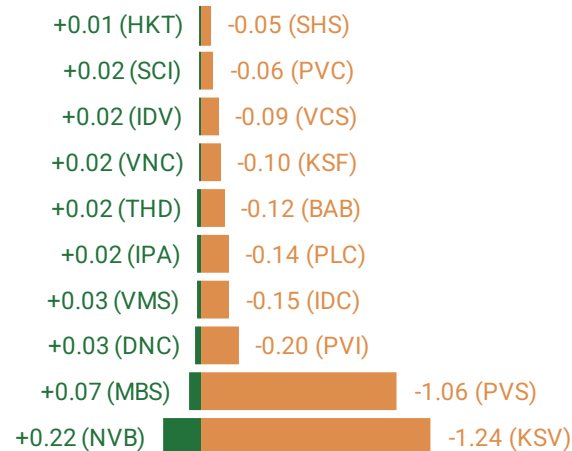
TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



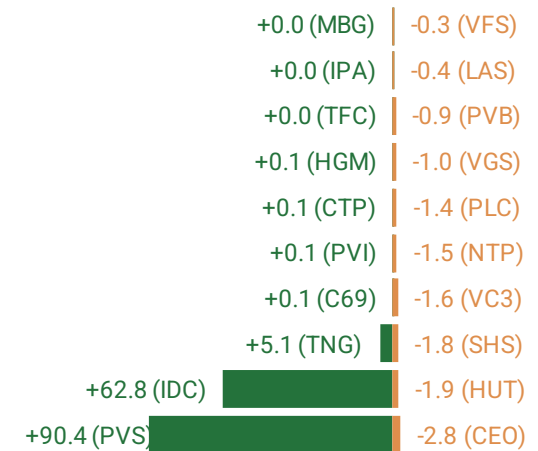
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NHẬTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	MBB	BID	VCB	STB	BSR
%DoD	0.9%	-6.9%	-2.9%	-1.3%	-6.3%
Giá trị	1,443	1,100	1,011	943	886

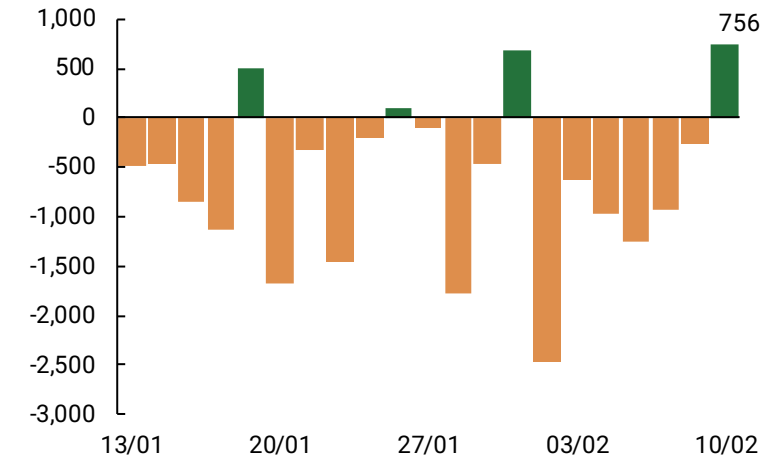
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	EIB	VPX	HDB	MSB	SHB
%DoD	-2.4%	0.0%	0.0%	-0.4%	0.0%
Giá trị	804	766	477	375	277

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



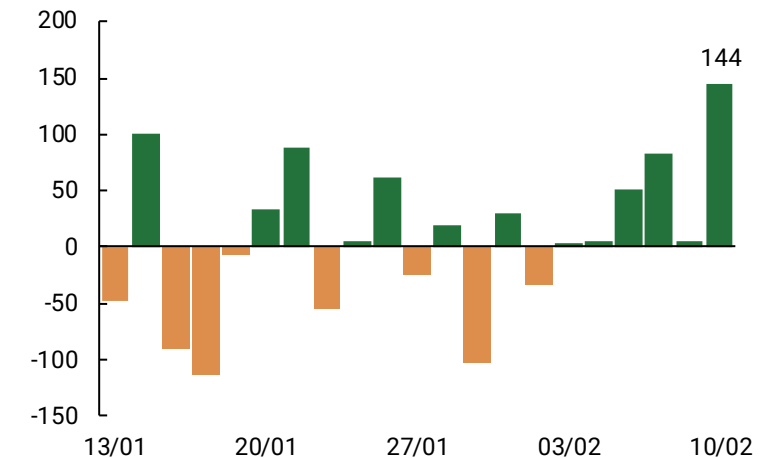
	PVS	IDC	SHS	CEO	PVC
%DoD	-8.1%	-1.5%	-0.6%	-0.5%	-9.7%
Giá trị	616	229	121	104	87

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	S99	L40	SGH	TIG	ITQ
%DoD	1.1%	-0.1%	0.0%	1.2%	0.0%
Giá trị	23	8	4	3	3

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Doji, vol vẫn dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 - 1720.
- ✓ Kháng cự: 1800.
- ✓ Chỉ báo RSI vẫn trong đà giảm, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

Kịch bản: Nỗ lực phục hồi thất bại và trạng thái giằng co tiếp tục chiếm ưu thế. Mốc hỗ trợ 1780 điểm (MA50 ngày) đã bị phá vỡ, do đó, rủi ro điều chỉnh vẫn hiện hữu. Thanh khoản cũng sụt giảm mạnh hàm ý dòng tiền mua lên còn thận trọng. Vận động có lẽ tiếp tục rung lắc đi ngang, với kháng cự ở chiều hồi phục quanh ngưỡng 1780 - 1800 điểm, trong khi hỗ trợ thấp hơn là khu vực 1700 - 1720 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Doji, vol vẫn dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900.
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ Chỉ báo RSI vẫn trong đà giảm, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh ngắn hạn.

➔ Áp lực bán tiếp tục tăng thế trong nỗ lực phục hồi, đẩy chỉ số lùi về dưới ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh ngưỡng 1960 điểm, cho thấy xu hướng điều chỉnh vẫn chi phối. Thanh khoản cũng giảm về dưới mức trung bình hàm ý chiều mua lên còn thận trọng. Hiện vùng hỗ trợ thấp hơn quanh khu vực 1900 điểm, trong khi kháng cự là mốc 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	DHC	WATCH	Current price	37.00	P/E (x)	9.1
Exchange	HOSE		Watch zone	35.5 - 36	P/B (x)	1.6
Sector	Paper		Target price	40	EPS	4067.9
			Cut loss price	33.5	ROE	18.7%
				Stock Rating	BBB	
				Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

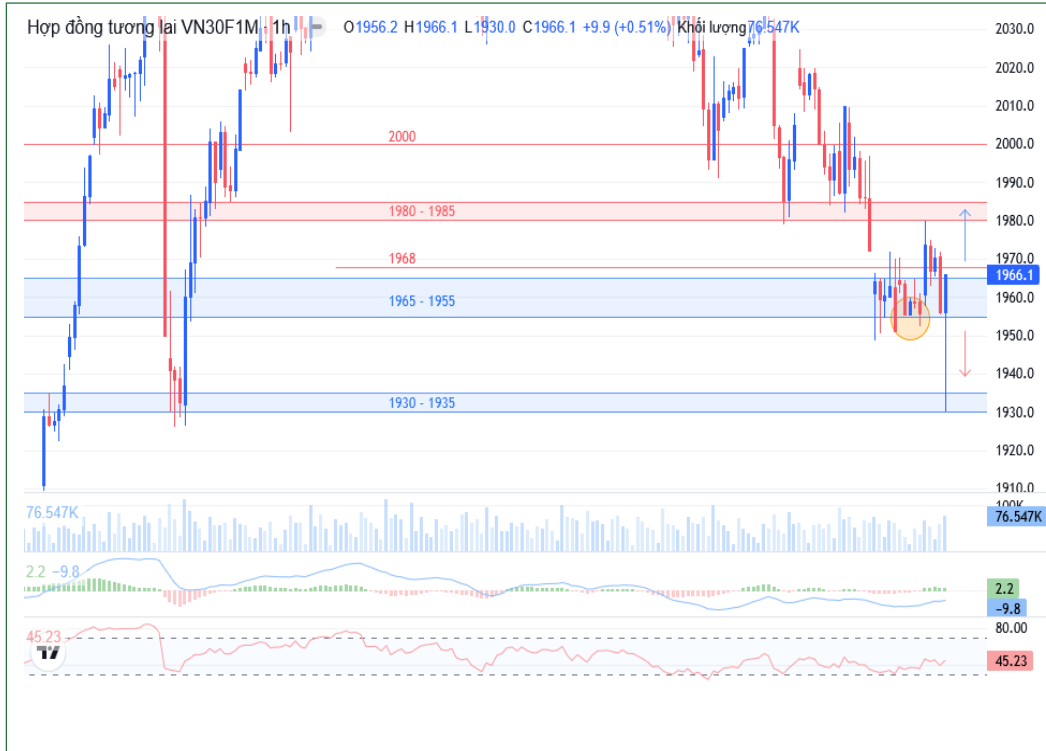
- Giá vượt vùng tích lũy 34 – 36 và đang có xu hướng hạ nhiệt kiểm định.
 - Chỉ báo MACD vẫn trên đường tín hiệu, cùng với RSI điều chỉnh nhưng vẫn trên ngưỡng trung bình 50, hàm ý động lượng tăng ổn định.
 - Thanh khoản giảm ngắn hạn, song vẫn cao hơn mức trung bình trong quá khứ, cho thấy dòng tiền thiết lập nền giá cao hơn.
 - MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng có thể kiểm định lại khu vực hỗ trợ quanh 36.
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá kiểm định tốt khu vực 35 – 36 có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá theo dõi	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DHC	Theo dõi	11/02/2026	37	35.5 – 36	-	40.0	11.7%	33.5	-6.4%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	MSN	Mua	23/01/2026	-	76.80	79.4 – 79.9	-3.6%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
2	FPT	Mua	26/01/2026	-	97.80	100 - 101	-2.7%	112.0	11.4%	95.0	-5.5%	
3	SAB	Mua	04/02/2026	-	48.35	51.5 – 52	-6.6%	58.0	12.1%	48.0	-7.2%	
4	VSC	Mua	05/02/2026	-	22.65	21.8 - 22	3.4%	25.0	14.2%	20.4	-6.8%	



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1966.1, tăng 10.4 điểm (+0.5%). Giá phục hồi đầu phiên song áp lực điều chỉnh nhanh chóng trở lại chi phối. Vận động có lúc lao dốc mạnh vào cuối phiên chiều nhưng lực cầu bắt đáy đã trở lại giúp hợp đồng kết phiên giữ được sắc xanh.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD đã cắt lên đường tín hiệu cùng với RSI cải thiện, ủng hộ đà phục hồi. Dù vậy, mức basis của hợp đồng lại cao hơn đáng kể so với VN30. Vận động khả năng trở lại rung lắc trong khu vực 1955 – 1965 để kiểm định thêm xu hướng. Vị thế Long cân nhắc khi giá bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1968. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về lại dưới ngưỡng 1954. Lưu ý giá có thể biến động mạnh khi gần đến ngày đáo hạn.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1838.9, tăng 3.9 điểm (+0.2%). Độ lệch basis +11.9 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 40 HĐ. Hỗ trợ gần cũng quanh khu vực 1830 điểm, trong khi kháng cự ở chiều hồi phục là ngưỡng 1845 - 1850 điểm.

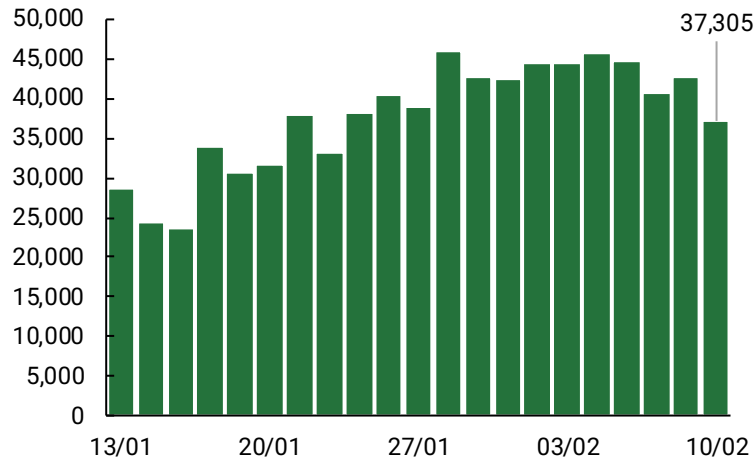
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1968	1980	1960	12 : 08
Short	< 1954	1942	1962	12 : 08

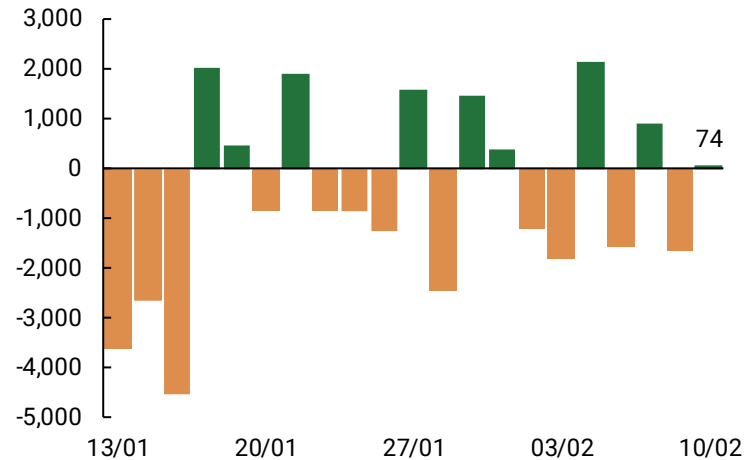
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	1,955.8	-1.4	88	186	1,963.3	-7.5	17/09/2026	219
4111G6000	1,969.0	15.0	70	389	1,958.4	10.6	18/06/2026	128
4111G3000	1,962.7	9.7	4,838	6,828	1,953.6	9.1	19/03/2026	37
4111G2000	1,966.1	10.4	283,888	37,305	1,951.7	14.4	13/02/2026	3
4112G2000	1,838.9	3.9	40	43	1,827.1	11.8	13/02/2026	3

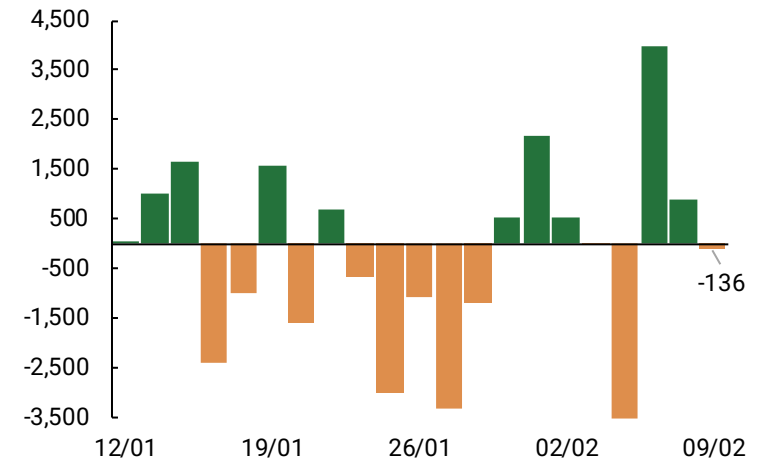
Khối lượng mở (Open interest)



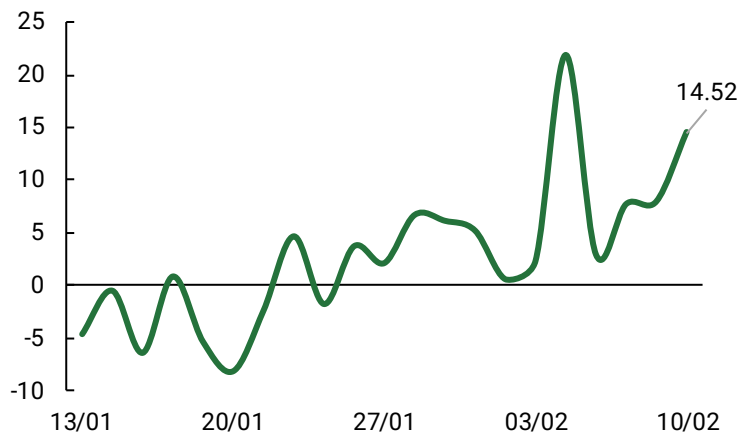
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



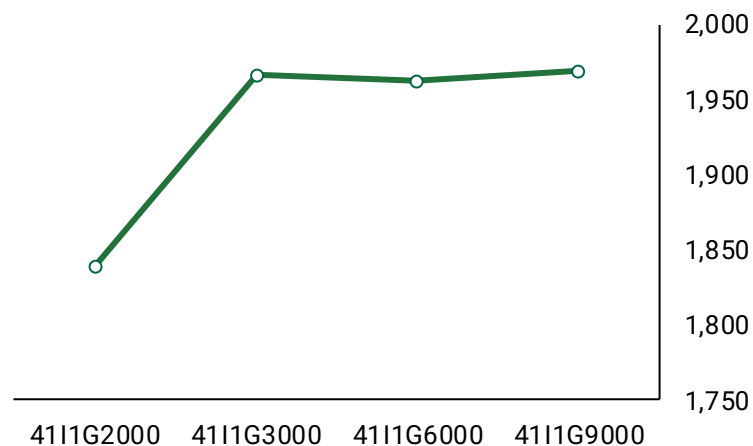
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



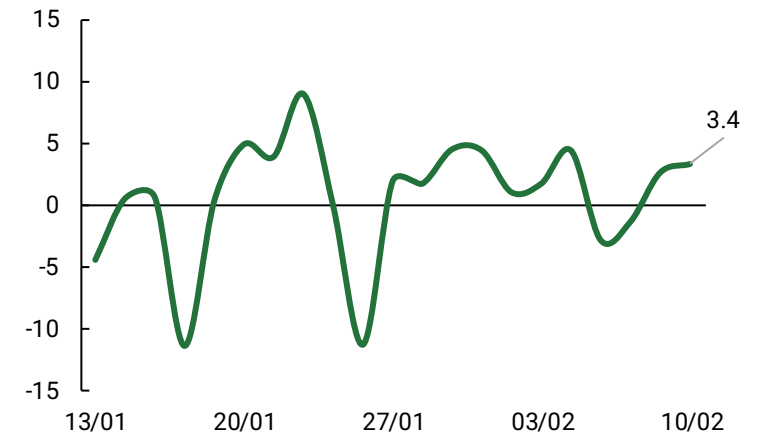
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	71,200	65,400	-8.1%	Giảm tỷ trọng
BCM	64,500	74,500	15.5%	Tăng tỷ trọng
CTG	37,100	45,200	21.8%	Mua
CTD	80,100	87,050	8.7%	Nắm giữ
CTI	23,450	27,200	16.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	53,000	68,000	28.3%	Mua
DDV	28,956	35,900	24.0%	Mua
DGC	68,000	99,300	46.0%	Mua
DGW	48,550	48,300	-0.5%	Giảm tỷ trọng
DPG	45,300	53,100	17.2%	Tăng tỷ trọng
DPR	38,850	46,500	19.7%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,280	17,200	40.1%	Mua
EVF	11,300	14,400	27.4%	Mua
FRT	165,000	157,600	-4.5%	Giảm tỷ trọng
GMD	71,000	77,000	8.5%	Nắm giữ
HAH	56,400	67,600	19.9%	Tăng tỷ trọng
HDG	26,000	34,500	32.7%	Mua
HHV	12,000	12,300	2.5%	Nắm giữ
HPG	26,550	34,300	29.2%	Mua
IMP	53,800	55,000	2.2%	Nắm giữ
KDH	27,600	38,800	40.6%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	27,850	22,700	-18.5%	Bán
MSH	36,400	43,100	18.4%	Tăng tỷ trọng
MWG	89,300	99,600	11.5%	Tăng tỷ trọng
NLG	27,500	39,900	45.1%	Mua
NT2	26,800	27,700	3.4%	Nắm giữ
PHR	57,800	72,800	26.0%	Mua
PNJ	112,900	113,300	0.4%	Nắm giữ
PVS	42,200	39,900	-5.5%	Giảm tỷ trọng
PVT	19,900	18,900	-5.0%	Giảm tỷ trọng
SAB	48,350	57,900	19.8%	Tăng tỷ trọng
SSI	29,950	39,200	30.9%	Mua
TLG	51,300	53,400	4.1%	Nắm giữ
TCB	34,600	35,650	3.0%	Nắm giữ
TCM	26,300	37,900	44.1%	Mua
TRC	73,900	94,800	28.3%	Mua
VCB	63,100	84,200	33.4%	Mua
VPB	26,600	37,000	39.1%	Mua
VCG	18,200	26,200	44.0%	Mua
VHC	60,000	60,000	0.0%	Nắm giữ
VNM	68,400	66,650	-2.6%	Giảm tỷ trọng
VSC	22,650	17,900	-21.0%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/02 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Việt Nam – MSSI công bố danh mục
- 13/02 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP ước tính
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

Phấn đấu tăng trưởng GDP quý I/2026 đạt khoảng 8%, cả năm từ 10% trở lên: Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương theo dõi sát diễn biến tình hình, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phấn đấu tăng trưởng GDP quý I năm 2026 đạt khoảng 8%, cả năm đạt từ 10% trở lên.

Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép: Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn ký Quyết định số 261/QĐ-TTg ngày 09/02/2026 phê duyệt Chiến lược phát triển ngành thép giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đà lao dốc của thị trường bất động sản Trung Quốc sẽ trầm trọng hơn dự kiến: S&P Global Ratings dự đoán doanh số bất động sản sơ cấp tại Trung Quốc nhiều khả năng sẽ giảm 10% - 14% trong năm 2026, tồi tệ hơn ước tính đưa ra hồi tháng 10 năm ngoái là giảm 5% - 8%.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Ngành gạo 2025 - Xuất khẩu hạ nhiệt, nhiều doanh nghiệp vẫn thắng lớn: Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu gạo năm 2025 đạt 8.06 triệu tấn, tương đương 4.1 tỷ USD, giảm lần lượt 10.8% về lượng và 27.6% về trị giá so với năm trước. Đây là mức kim ngạch thấp nhất trong vòng 3 năm. Doanh thu của 11 doanh nghiệp gạo trên sàn năm 2025 (theo VietstockFinance) đạt gần 37,081 tỷ đồng, giảm 17% so với năm 2024. Trái ngược với xu hướng này, lãi ròng toàn nhóm lại đảo chiều sang trạng thái dương, đạt gần 186 tỷ đồng, so với mức lỗ hơn 38 tỷ đồng của năm trước. Trong xu hướng chung, Vinaseed (NSC) tiếp tục giữ vai trò trụ cột lợi nhuận. Năm 2025, NSC lãi ròng gần 230 tỷ đồng, tăng 5%, bất chấp doanh thu giảm 6%.

MPC - Vua tôm Minh Phú quay lại quỹ đạo lãi lớn: Trong quý 4/2025, doanh thu gần 4.6 ngàn tỷ đồng, tăng gần 18% so với cùng kỳ. Giá vốn tăng chậm hơn giúp lợi nhuận gộp đạt gần 633 tỷ đồng, mức cao nhất kể từ năm 2022. Biên lợi nhuận cải thiện nhờ chủ động đẩy mạnh các sản phẩm giá trị gia tăng, có giá bán cao hơn. Qua đó, MPC ghi nhận quý lãi ròng dương thứ tư liên tiếp, qua đó kéo lãi ròng cả năm lên hơn 533 tỷ đồng dù doanh thu lũy kế khoảng 14.8 ngàn tỷ đồng và gần như đi ngang.

SZL - Sonadezi Long Thành muốn bán sạch gần 1.8 triệu cổ phiếu quỹ: Cụ thể, doanh nghiệp dự kiến bán ra 1.77 triệu cổ phiếu quỹ thông qua hai hình thức là khớp lệnh trên sàn và thỏa thuận. Thời gian thực hiện dự kiến rơi vào quý I và quý II/2026, sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ liên quan đến giao dịch.

REE - Hai thành viên ngoại rời HĐQT REE Corp: REE công bố ông Alain Xavier Cany và bà Hsu Hai Yeh xin từ nhiệm thành viên HĐQT, dự kiến hiệu lực sau ĐHCĐ 31/3/2026. Doanh thu quý IV đạt 2,877 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế giảm 13%. Lũy kế năm 2025, doanh thu tăng 19% lên cao nhất từ trước đến nay, lợi nhuận sau thuế tăng 31% đạt 3,149 tỷ đồng, vượt 30% kế hoạch lợi nhuận.

HSG - Hoa Sen thoái vốn mạnh khỏi công ty từng dự định làm dự án BĐS: Ngày 06/02, HĐQT Tập đoàn Hoa Sen thông qua nghị quyết giảm tỷ lệ sở hữu tại CTCP Hoa Sen Sài Gòn từ 40%, tương đương 4 triệu cổ phần trị giá 40 tỷ đồng, xuống còn 10%, tương đương 1 triệu cổ phần trị giá 10 tỷ đồng.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415